# Unit 8 Lesson 2 (trang 46, 47)

**SBT Tiếng Anh lớp 12 trang 46, 47 Unit 8 Lesson 2 - ILearn Smart World**  
**New Words**  
**a (trang 46 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Match the words to the definitions. (Nối các từ với các định nghĩa.)  
  
  
  
  
1. trustworthy  
2. gossip  
3. anonymous  
4. express  
5. embarrassment  
6. self-esteem  
7. cyberbullying  
  
  
a. not giving a name  
b. speak, write, or communicate in some other way what you think or feel  
c. shy, uncomfortable, or guilty feelings  
d. stories about other people's lives, which may be unkind or untrue  
e. that you can rely on to be good and honest  
f. using the internet to harm or hurt someone's feelings  
g. belief and confidence in your own ability and value  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. e  
  
  
2. d  
  
  
3. a  
  
  
4. b  
  
  
  
  
5. c  
  
  
6. g  
  
  
7. f  
  
  
   
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. đáng tin cậy = mà bạn có thể dựa vào để trở nên tốt và trung thực  
2. buôn chuyện = những câu chuyện về cuộc sống của người khác, có thể không tử tế hoặc không đúng sự thật  
3. ẩn danh = không nêu tên  
4. thể hiện = nói, viết hoặc giao tiếp theo cách khác những gì bạn nghĩ hoặc cảm nhận  
5. ngượng ngùng = cảm giác nhút nhát, khó chịu hoặc tội lỗi  
6. lòng tự trọng = niềm tin và sự tự tin vào khả năng và giá trị của chính bạn  
7. bắt nạt trên mạng = sử dụng internet để làm tổn hại hoặc làm tổn thương cảm xúc của ai đó  
**b (trang 46 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Fill in the blanks with the words from Task a. (Điền vào chỗ trống những từ trong bài tập a.)  
1. If you are looking for correct information on a website, you should make sure it is \_\_\_\_\_\_\_.  
2. It’s fun to hear about celebrity \_\_\_\_\_\_\_, but remember not everything you hear is true.  
3. When you \_\_\_\_\_\_\_ yourself in a public forum, make sure you don’t hurt other people’s feeling.  
4. Be careful what you post on social media, or you might feel some \_\_\_\_\_\_\_ later on.  
5. Many people who post things online are \_\_\_\_\_\_\_, and you don’t know who they are.  
6. Giving compliments frequently and correctly can help children build high \_\_\_\_\_\_\_.  
7. Preventing \_\_\_\_\_\_\_ starts with teaching children and teenagers about responsible online behavior.   
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. trustworthy  
  
  
2. gossip  
  
  
3. express  
  
  
4. embarrassment  
  
  
  
  
5. anonymous  
  
  
6. self-esteem  
  
  
7. cyberbullying  
  
  
   
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nếu bạn đang tìm kiếm thông tin chính xác trên một trang web, bạn nên đảm bảo rằng thông tin đó đáng tin cậy.  
2. Thật thú vị khi nghe tin đồn về người nổi tiếng, nhưng hãy nhớ rằng không phải mọi điều bạn nghe đều là sự thật.  
3. Khi thể hiện bản thân trên một diễn đàn công cộng, hãy đảm bảo rằng bạn không làm tổn thương cảm xúc của người khác.  
4. Hãy cẩn thận với những gì bạn đăng trên mạng xã hội, nếu không sau này bạn có thể cảm thấy xấu hổ.  
5. Nhiều người đăng nội dung trực tuyến đều ẩn danh và bạn không biết họ là ai.  
6. Khen ngợi thường xuyên và chính xác có thể giúp trẻ xây dựng lòng tự trọng cao.  
7. Ngăn chặn bắt nạt trên mạng bắt đầu bằng việc dạy trẻ em và thanh thiếu niên về hành vi có trách nhiệm trên mạng.  
  
**Listening**  
**a (trang 46 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Listen to two students talking. How do they think social media should be used? (Nghe hai học sinh nói chuyện. Họ nghĩ mạng xã hội nên được sử dụng như thế nào?)  
CD 1 Track 16  
  
  
  
  
1. anonymously  
  
  
2. in a responsible way  
  
  
3. in a trustworthy way  
  
  
  
  
**Đáp án:** 2  
**Nội dung bài nghe:**  
Jerry: Hi, Alice  
Alice: Hi, Jerry. Are you okay? My mom said that I spent too much time on social media and wants me to stop using it. I'm not sure what to tell her.  
Jerry: Well, you could tell her about the advantages of using social media. The news on social media is more up-to-the-minute than on other types of media.  
Alice: That's true  
Jerry: Also, it's easier to express yourself on social media than on other types of media. Being able to express yourself well is a useful skill.  
Alice: Yes, you're right.  
Jerry: However, you should tell your mom that you know about the disadvantages too.  
Alice: What disadvantages?  
Jerry: Well, first, people can be a lot meaner on social media than in real life. especially if they know they can stay anonymous.  
Alice: Yes, cyberbullying is becoming more serious than before.  
Jerry: That's right. There's also a lot more fake content online. When you really need the correct information, like research for a school project, it's important to use trustworthy websites.  
Alice: That's true. Also, you need to remember that when you post something on social media, it can stay there forever.  
Jerry: Yes, everyone should remember this. Never post anything that could cause you embarrassment in the future. So what do you think I should tell my mom?  
Alice: If you can tell your mom how you use social media in a responsible way, I think she won't mind you using it so much.  
Jerry: Thanks, Alice. That's really helpful.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Alice: Chào Jerry. Bạn có ổn không? Mẹ tôi nói rằng tôi đã dành quá nhiều thời gian trên mạng xã hội và muốn tôi ngừng sử dụng nó. Tôi không biết phải nói gì với cô ấy.  
Jerry: Chà, bạn có thể nói với cô ấy về lợi ích của việc sử dụng mạng xã hội. Tin tức trên mạng xã hội cập nhật từng phút hơn so với các loại phương tiện truyền thông khác.  
Alice: Đúng vậy  
Jerry: Ngoài ra, việc thể hiện bản thân trên mạng xã hội cũng dễ dàng hơn so với các loại phương tiện truyền thông khác. Có khả năng thể hiện bản thân tốt là một kỹ năng hữu ích.  
Alice: Vâng, bạn nói đúng.  
Jerry: Tuy nhiên, bạn nên nói với mẹ rằng bạn cũng biết về những bất lợi.  
Alice: Nhược điểm gì?  
Jerry: Đầu tiên, mọi người trên mạng xã hội có thể ác ý hơn nhiều so với ngoài đời thực. đặc biệt nếu họ biết họ có thể ẩn danh.  
Alice: Đúng vậy, bắt nạt qua mạng đang trở nên nghiêm trọng hơn trước.  
Jerry: Đúng vậy. Ngoài ra còn có rất nhiều nội dung giả mạo trực tuyến. Khi bạn thực sự cần thông tin chính xác, chẳng hạn như nghiên cứu cho một dự án trường học, điều quan trọng là phải sử dụng các trang web đáng tin cậy.  
Alice: Đúng vậy. Ngoài ra, bạn cần nhớ rằng khi bạn đăng nội dung nào đó lên mạng xã hội, nội dung đó có thể ở đó mãi mãi.  
Jerry: Vâng, mọi người nên nhớ điều này. Đừng bao giờ đăng bất cứ điều gì có thể khiến bạn xấu hổ trong tương lai. Vậy bạn nghĩ tôi nên nói gì với mẹ tôi?  
Alice: Nếu bạn có thể nói với mẹ bạn cách bạn sử dụng mạng xã hội một cách có trách nhiệm, tôi nghĩ bà sẽ không phiền khi bạn sử dụng nó nhiều như vậy.  
Jerry: Cảm ơn, Alice. Điều đó thực sự hữu ích.  
**b (trang 46 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Now, listen and fill in the blanks. (Bây giờ hãy nghe và điền vào chỗ trống.)  
CD 1 Track 16  
1. Jenny’s mom wants him to \_\_\_\_\_\_\_.  
2. Alice says that it’s easier to \_\_\_\_\_\_\_ on social media that on other types of media.  
3. Alice thinks that people can be a lot \_\_\_\_\_\_\_ on social media than in real life.  
4. Alice says that if you need correct information, make sure you use \_\_\_\_\_\_\_ websites.  
5. Jerry says you should never post anything that might cause you \_\_\_\_\_\_\_ in the future.  
**Đáp án:**  
1. stop using social media  
2. express yourself  
3. meaner  
4. trustworthy  
5. embarrassment  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Mẹ của Jenny muốn anh ấy ngừng sử dụng mạng xã hội.  
2. Alice nói rằng việc thể hiện bản thân trên mạng xã hội dễ dàng hơn so với các loại phương tiện truyền thông khác.  
3. Alice cho rằng mọi người trên mạng xã hội có thể xấu tính hơn rất nhiều so với ngoài đời thực.  
4. Alice nói rằng nếu bạn cần thông tin chính xác, hãy đảm bảo bạn sử dụng các trang web đáng tin cậy.  
5. Jerry nói rằng bạn không bao giờ nên đăng bất cứ điều gì có thể khiến bạn xấu hổ trong tương lai.  
  
**Grammar**  
**a (trang 47 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Unscramble the sentences. (Sắp xếp lại câu.)  
1. more/Social/media/convenient/is/print/media./than  
2. from/social/media/Information/trustworthy/as/isn’t/as/from/newspaper.  
3. aren’t/as TV/shows/entertaining/as/videos./online  
4. nicer/real/life/internet./than/on/in/People/are/the  
5. like/People/as/much/as/past./in/gossip/celebrity/they/did/the  
**Đáp án:**  
1. Social media is more convenient than print media.  
2. Information from social media isn't as trustworthy as from newspapers.  
3. TV shows aren't as entertaining as online videos.  
4. People read fewer books now than in the past.  
5. Many teens spend more time checking their social media than talking to their families.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Phương tiện truyền thông xã hội tiện lợi hơn phương tiện truyền thông in ấn.  
2. Thông tin từ phương tiện truyền thông xã hội không đáng tin cậy bằng từ báo chí.  
3. Chương trình truyền hình không giải trí bằng video trực tuyến.  
4. Mọi người hiện nay đọc ít sách hơn so với trước đây.  
5. Nhiều thanh thiếu niên dành nhiều thời gian kiểm tra phương tiện truyền thông xã hội hơn là nói chuyện với gia đình.  
**b (trang 47 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Write sentences using the prompts and adverbial clauses of comparison. (Viết câu sử dụng gợi ý và mệnh đề trạng ngữ so sánh.)  
1. people like/watch videos/their phones/TV (as much as)  
2. sometimes/deleting social media posts/be/easy/you think (not as … as)  
3. social media/have/information/print media (much more … than)  
4. people/listen/radio/they used to (not as much as)  
5. it/be/easy/share gossip/it used to be (much … than)  
**Đáp án:**  
1. People like watching videos on their phones as much as on TV.  
2. Sometimes, deleting social media posts is not as easy as you think.  
3. Social media has much more information than print media.  
4. People don't listen to the radio as much as they used to.  
5. It's much easier to share gossip than it used to be.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Mọi người thích xem video trên điện thoại nhiều như trên TV.  
2. Đôi khi, xóa bài đăng trên mạng xã hội không dễ như bạn nghĩ.  
3. Mạng xã hội có nhiều thông tin hơn báo in.  
4. Mọi người không nghe radio nhiều như trước nữa.  
5. Việc chia sẻ tin đồn dễ hơn nhiều so với trước đây.  
  
**Writing**  
**(trang 47 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Read the list of things you can use social media for. For each item, write one advantage and one thing to be careful of when using social media. Use the new words in this lesson and your own ideas. (Đọc danh sách những thứ bạn có thể sử dụng mạng xã hội. Đối với mỗi mục, hãy viết một ưu điểm và một điều cần cẩn thận khi sử dụng mạng xã hội. Sử dụng những từ mới trong bài học này và ý tưởng của riêng bạn.)  
- Researching school projects (Nghiên cứu các dự án trường học)  
- Posting on social media (Đăng bài trên mạng xã hội)  
- Reading the news (Đọc tin tức)  
- Chatting with friends (Trò chuyện với bạn bè)  
**Gợi ý:**  
Researching school projects  
- It's much easier to find information than it used to be.  
- Social media isn't as trustworthy as other types of media.  
Posting on social media  
- It's more fun to comment on stories than to only read them.  
- You need to be more careful about how you express yourself than in the past.  
Reading the news  
- Reading newspapers isn't as much fun as using social media.  
- Newspapers are more trustworthy than social media.  
Chatting with friends  
- It's much easier to chat with friends than it used to be.  
- Social media can cause more embarrassment than other types of media.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Nghiên cứu các dự án ở trường  
- Việc tìm kiếm thông tin dễ dàng hơn nhiều so với trước đây.  
- Mạng xã hội không đáng tin cậy bằng các loại phương tiện truyền thông khác.  
Đăng bài trên mạng xã hội  
- Bình luận về các câu chuyện thú vị hơn là chỉ đọc chúng.  
- Bạn cần cẩn thận hơn về cách thể hiện bản thân so với trước đây.  
Đọc tin tức  
- Đọc báo không thú vị bằng sử dụng mạng xã hội.  
- Báo chí đáng tin cậy hơn mạng xã hội.  
- Trò chuyện với bạn bè  
- Trò chuyện với bạn bè dễ dàng hơn nhiều so với trước đây.  
- Mạng xã hội có thể gây ra nhiều bối rối hơn các loại phương tiện truyền thông khác.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 12 sách ILearn Smart World hay khác:**  
Unit 8 Lesson 1 (trang 44, 45)  
Unit 8 Lesson 3 (trang 48, 49)  
Unit 8 Review (trang 69)